

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 7 Điều 26 vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 28 tháng 03 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 39/2024/TLST – DS ngày 09 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Văn T1 sinh năm 1963; Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1939 và bà Lê Thị C, sinh năm 1944; Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn S - Chủ tịch UBND xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1955. Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Phan Thị T phải trả lại diện tích đất cho UBND xã V quyền sử dụng diện tích **512,3m²** đất hai Lúa tại số thửa 413 tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã V lập năm 2012, chỉnh lý năm 2024. Địa chỉ thửa đất: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có chiều cạnh kích thước cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa đất của ông T1, bà T có kích thước **67,26m**

Phía Tây giáp nhà văn hóa xóm A, xã V kích thước **65,32m**

Phía Bắc giáp đường có kích thước 8,32m

Phía Nam giáp thửa đất số 206 và 208 kích thước 7,95m

(Vị trí kích thước thể hiện ở sơ đồ ký hiệu S1 kèm theo).

2.2. Ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị C phải trả lại và giao lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Phan Thị T quyền sử dụng diện tích **86,9m²** đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 185, tờ bản đồ số 12 bản đồ địa chính xã V lập năm 2012, chỉnh lý năm 2024. Địa chỉ thửa đất tại: Xóm A, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình với vị trí kích thước như sau:

Phía Đông giáp thửa đất của ông T2, bà C có kích thước 21,61m

Phía Tây giáp thửa đất ông T1, bà T kích thước 20,33m

Phía Bắc giáp đường có kích thước 4,66m

Phía Nam giáp đất bà T, ông T1 kích thước 3,97m

(Vị trí kích thước thể hiện ở sơ đồ ký hiệu S2 kèm theo).

Giá trị tranh chấp chúng tôi nhất trí theo giá thẩm định đất vườn có giá là 3.180.000đ/ m². Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 276.342.000 đồng.

Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị C tiền tài sản trên đất và tiền công đo đất là 50.000.000đ (Đã thanh toán xong)

2.3. Các bên đương sự thống nhất để phân đất có diện tích **301,6 m² dựng làm ngõ đi vào thửa số 205, tờ bản đồ số 12 của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Y.**

(Vị trí kích thước thể hiện ở sơ đồ ký hiệu S3 kèm theo).

Các bên đương sự thống nhất giao cho ông L, bà Y phần diện tích 32,5m² bên cạnh phần đất sử dụng làm ngõ đi vào thửa đất của ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Y.

(Vị trí kích thước thể hiện ở sơ đồ ký hiệu S4 kèm theo).

3. Về án phí:

Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 3.455.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước. Được khấu trừ vào 350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001937 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình. Bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T1 phải nộp thêm 3.105.000 đồng án phí dân sự để nộp ngân sách nhà nước.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T2 và bà Lê Thị C, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị Y do các ông, bà trên là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí, các ông bà đã có đơn xin miễn án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được ban hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K.
- Chi cục THA dân sự huyện K.
- Các đương sự;
- UBND xã V.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh